TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 10 - 2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**
Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Trần Văn Lý**
Bà **Ngô Mỵ Châu**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Phạm Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: Ông **Bùi Hồng Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2016 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 15/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

- *Bị đơn*: Anh **C**, sinh năm 1978; địa chỉ: Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng T trình bày: Chị kết hôn với anh C năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 429/2014 quyển số 02/2014 ngày 28/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị không sống chung (chị ở Việt Nam, anh C ở Hàn Quốc) và ít liên lạc với nhau. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Chị và anh C không có con chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu gì về con cái, tài sản.

Ngày 10/4/2017, Tòa án đã có Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số 03/TTTPDS-TA32 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài tống đạt Thông báo Thụ lý vụ án số 30/2016/TB-TLVA ngày 08/6/2016, Thông báo về phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa số 415/2017/TB-TA ngày 10/4/2017 cho bị đơn là anh C.

Ngày 31/7/2017, anh C đã được cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nói trên của tòa án (theo Văn bản số 2978/BTP-PLQT về kết quả ủy thác tư pháp ngày 15/9/2017 của Bộ Tư pháp).

Tuy nhiên, anh C không đến tòa tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi tòa án, việc hòa giải không thể tiến hành được. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho là: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, các trình tự, thủ tục về phiên tòa sơ thẩm; Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn đã được tống đạt trực tiếp Thông báo về thời gian mở phiên tòa, thời gian mở lại phiên tòa trong trường hợp hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1] Việc kết hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T với anh C phù hợp với các quy định của Điều 9, Điều 11, Điều 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 nên là quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp.

[2.2] Do cách trở về địa lý, vợ chồng chị T không sống chung với nhau, không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vì vậy, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc của chị Nguyễn Thị Mộng T và anh C không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, yêu cầu ly hôn của chị T phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về con chung, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T khai chị không có tài sản chung, không có con chung với anh C và không yêu cầu gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí và chi phí khác*: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí, chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Luật Tương trợ tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình,

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn anh C.

2. Căn cứ vào các Điều 143, 147, 153 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, Điều 16 Luật Tương trợ tư pháp,

Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ/ST; 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí đối với hồ sơ ủy thác tư pháp về việc tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa; 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí đối với hồ sơ ủy thác tư pháp về việc tống đạt bản án sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/0007589, 0046261 ngày 08 tháng 6 năm 2016 và số 0046362 ngày 16/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa; Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Mộng T còn phải chịu chi phí thực tế phát sinh khác theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài; Chị T đã nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa theo biên lai số AA/2010/0009814 ngày 04 tháng 4 năm 2017 và 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tống đạt bản án theo biên lai số AA/2010/0005946 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự,

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Nghĩa